

Bản án số: 56/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28- 9-2021
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hiếu và ông Phạm Mã Siêu

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký

Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Nhân - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2021/TLST - HNGĐ ngày 13/7/2021 về việc: “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 30/8/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17/9/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1997 (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện T, Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa cũng như tại phiên Tòa nguyên đơn - chị Phạm Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn T tự do tìm hiểu, tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình vào ngày 01/12/2017. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn khi chị sinh con đầu lòng, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau dẫn đến không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau thậm chí là đánh nhau nên chị đã phải bế con về nhà bố mẹ đẻ ở Tây Phong ở 01 tháng sau đó anh T có đến xin lỗi chị và hứa sẽ thay đổi và tháng 08 năm 2020 chị lại bế con quay về chung sống cùng anh T. Tuy nhiên sau khi quay về chung sống cùng nhau thì tình trạng hôn nhân vẫn không được cải thiện mà mâu thuẫn

ngày càng trầm trọng hơn nên đến tháng 01/2021 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Tây Phong để sinh sống và chính thức sống ly thân anh T từ đó đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn không thể quay về chung sống cùng anh T được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về quan hệ con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Lê Hạnh Ng, sinh ngày 15/8/2018, hiện đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyên vọng của chị sau khi ly hôn là muốn được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị hàng tháng là 800.000đồng/01 tháng.

Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh T không có tài sản gì chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, do đó không yêu cầu Tòa án giải quyết và phân tài sản chung và công nợ chung.

Quá trình tố tụng tại Tòa bị đơn - anh Lê Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh hoàn toàn đồng ý với ý kiến của chị N trình bày về điều kiện kết hôn và quá trình chung sống vợ chồng. Trong quá trình chung sống vợ chồng thì cũng có xảy ra những mâu thuẫn, xô xát nhưng đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ mà vợ chồng nào cũng có. Do đó, đến nay chị N làm đơn xin ly hôn anh, quan điểm của anh không đồng ý ly hôn chị N vì anh muốn vì con, muốn để cho con có cuộc sống tốt đẹp nhất.

Về quan hệ con chung: Anh và chị N có 01 con chung là Lê Hạnh Ng, sinh ngày 15/8/2018, hiện đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Quan điểm của anh là không đồng ý ly hôn nhưng nếu việc ly hôn vẫn xảy ra thì anh đồng ý nhường con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con cùng chị N hàng tháng là 800.000đồng/01 tháng.

Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung: Anh hoàn toàn đồng ý nhất trí với kiến của chị N là vợ chồng không có tài sản gì chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, do đó anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết và phân tài sản chung và công nợ chung.

Tại biên bản xác minh ngày 30 tháng 8 năm 2021, UBND xã N cung cấp như sau: Chị Phạm Thị N, anh Lê Văn T đều có hộ khẩu thường trú tại Thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình. Chị N và anh T kết hôn là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N vào ngày 01/12/2017. Sau khi kết hôn chị N và anh T chung sống với nhau tại xã N, huyện T, sau đó chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã Tây Phong, huyện T để sinh sống không chung sống cùng anh T nữa. Quá trình chung sống chị N anh T có 01 con chung là Lê Hạnh Ng, sinh ngày 15/8/2018, hiện đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng chị N anh T, đại diện địa phương không nắm được. Quan điểm của địa phương về việc giải quyết vụ án là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể

từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, và nguyên đơn đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn anh Lê Văn T. Giao cho chị Phạm Thị N trực tiếp nuôi con chung Lê Hạnh Ng, sinh ngày 15/8/2018, anh Lê Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cùng chị N hàng tháng là 800.000đồng/01 tháng kể từ tháng 9/2021 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Về tài sản chung và công nợ chung: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Xét thấy nguyên đơn là chị Phạm Thị N xin ly hôn anh Lê Văn T, anh T đang sinh sống và cư trú tại huyện T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình đã thụ lý và giải quyết yêu cầu của chị N là đúng thẩm quyền.

Bị đơn là anh Lê Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Lê Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Chị N anh T chung sống với nhau chỉ thực sự hạnh phúc được một thời gian thì đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau thậm chí còn đánh nhau dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng không thể chung sống cùng nhau được (từ tháng 01 năm 2021 đến nay chị N đã bỏ về nhà bố mẹ để ở xã Tây Phong để sinh sống). Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống cùng nhau được nữa, chị N đề

ngợi Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn anh T, anh T mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được giải pháp để vợ chồng về tiếp tục chung sống với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T đã trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị N, xử cho chị N được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung là Lê Hạnh Ng, sinh ngày 15/8/2018, hiện đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn cả chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cùng chị là 800.000đồng/01 tháng và anh T cũng đồng ý với ý kiến của chị N nên hội đồng xét xử xét thấy cần giữ nguyên hiện trạng như hiện nay, giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cùng chị N là 800.000đồng/01 tháng kể từ tháng 9/2021 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81 luật Hôn nhân gia đình.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không có

Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị N và anh Lê Văn T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị N trực tiếp nuôi con chung Lê Hạnh Ng, sinh ngày 15/8/2018. Anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cùng chị N là 800.000đồng/01 tháng kể từ tháng 9/2021 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Anh Lê Văn T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng chị N đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0002184 ngày 13/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T thành án phí. Anh Lê Văn T phải chịu 300.000đồng tiền án phí về cấp dưỡng nuôi con chung.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Phạm Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 28/9/2021. Anh Lê Văn T có quyền

kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- UBND xã N;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhi